

Phụ lục số 01: Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 425/BC-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025				Đã thanh toán đến ngày 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:			Tổng	NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác		
					NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác						
	Tổng cộng (I+II)		245,429.6	83,558.2	21,984.5	56,573.7	5,000	74,290.25	21,950.0	52,340.2	-	1,313.6	
I	Các dự án do các xã cũ bàn giao		236,556.56	75,603.88	21,984.51	53,619.38	-	74,290.25	21,950.03	52,340.22	-	1,313.6	-
	Xã Nhân Quyền cũ		23,269.9	5,555.5	5,108.6	446.9	-	5,517.0	5,108.6	408.4	-	38.6	
1	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	QĐ 2076; 5/5/2025	484.3	446.9		446.9		408.4		408.4		38.6	
2	Cải tạo cổng, tường rào - Trường THCS Nhân Quyền	QĐ 39; 10/7/2020	625.7	151.1	151.1			151.1	151.1			-	
3	Nâng cấp, Cải tạo vỉa hè tuyến đường trục xã đoạn từ trường THCS Nhân Quyền đến đầu thôn Đan Loan	QĐ 101; 22/12/2021	819.9	185.1	185.1			185.1	185.1			-	
4	Trường THCS Nhân Quyền: Hạng mục Tường rào, san lấp, rãnh thoát nước	QĐ 46; 15/5/2019	1,213.0	105.9	105.9			105.9	105.9			-	
5	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khác trường THCS Nhân Quyền	QĐ 108; 29/12/2020	1,213.0	186.4	186.4			186.4	186.4			-	
6	Nâng cấp, cải tạo nhà vệ sinh và các hạng mục khác trường Tiểu học Nhân Quyền	QĐ 108; 26/11/2021	1,174.4	441.3	441.3			441.3	441.3			-	
7	Cải tạo mở rộng đoạn đường nối giữa đường trung tâm xã với đường vào thôn Đan Loan và cải tạo mương thoát nước giáp trường mầm non trung tâm xã	QĐ 30a; 17/2/2021	466.1	106.5	106.5			106.5	106.5			-	
8	Nâng cấp, tu sửa nhà Bia nơi thành lập Đảng bộ xã tại thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền	QĐ 42; 18/3/2022	410.7	398.5	398.5			398.5	398.5			-	
9	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	QĐ 113; 25/5/2022	5,482.2	452.5	452.5			452.5	452.5			-	
10	Nâng cấp , cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Dương Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang.	QĐ 153; 15/7/2022	11,380.7	3,081.4	3,081.4			3,081.4	3,081.4			-	
	Xã Thanh Tùng cũ		73,291.9	12,188.0	2,891.6	9,296.4	-	12,161.6	2,891.6	9,270.0	-	26.4	
11	Nhà xe, sân đường nội bộ nhà làm việc công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 146; 27/12/2023	330.2	292.8		292.8		292.8		292.8		-	
12	Trường mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hạng mục: Cổng thoát nước, tường kê và giai đoạn 1 san lấp	QĐ 7262; 16/11/2016	4,486.5	333.2		333.2		333.2		333.2		-	
13	Các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Thanh Tùng	QĐ 07; 27/01/2021	3,821.2	63.1		63.1		63.1		63.1		-	
14	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn La Xá xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 90; 22/10/2024	813.7	47.4		47.4		47.4		47.4		-	
15	Xây dựng nhà làm việc Công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 54; 14/10/2022	4,961.5	1,330.0	200.0	1,130.0		1,330.0	200.0	1,130.0		-	
16	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện: Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	QĐ 3420; 29/12/2017	13,818.7	600.0	100.0	500.0		600.0	100.0	500.0		-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025				Đã thanh toán đến ngày 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:			Tổng	NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác		
					NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác						
17	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Nhà ăn, nhà bếp	QĐ 41a; 26/07/2018	1,221.8	600.0	100.0	500.0		600.0	100.0	500.0		-	
18	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nâng tầng 2 nhà lớp học 1 tầng 3 phòng - móng 2 tầng thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	QĐ 2900; 16/11/2017	2,815.8	590.0	290.0	300.0		590.0	290.0	300.0		-	
19	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện: Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng, 3 phòng - móng 2 tầng, thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	QĐ 1748; 30/6/2017	4,951.3	615.0	115.0	500.0		615.0	115.0	500.0		-	
20	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Sân nền, cổng, tường rào và nhà bảo vệ	QĐ 1174; 27/4/2017	3,543.3	640.0	140.0	500.0		640.0	140.0	500.0		-	
21	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Sân gạch, bồn hoa rãnh thoát nước	QĐ 35; 26/6/2019	4,431.5	505.0	105.0	400.0		505.0	105.0	400.0		-	
22	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và nhà hiệu bộ trường tiểu học; nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Thanh Tùng	QĐ 93a; 16/10/2023	232.0	120.0	120.0	-		120.0	120.0	-		-	
23	Trường tiểu học xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	QĐ 28; 27/06/2018	4,341.7	395.0	395.0	-		395.0	395.0	-		-	
24	Cổng, tường rào và nhà vệ sinh trường THCS Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 24; 11/06/2018	712.8	165.0	165.0	-		165.0	165.0	-		-	
25	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú – La Xá; Đoạn từ đường 392 đến khu dân cư La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 16; 25/7/2022	12,533.2	3,962.6	362.6	3,600.0		3,962.6	362.6	3,600.0		-	
26	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường 392 đến điểm dân cư mới thôn La Xá	QĐ 190a; 10/6/2021	497.6	459.0	59.0	400.0		459.0	59.0	400.0		-	
27	Cải tạo đường vào khu di tích lịch sử quốc gia Đình Đồng xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 53; 26/10/2018	1,214.3	300.0	300.0	-		300.0	300.0	-		-	
28	Di chuyển đường điện 0,4kV phục vụ GPMB thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú – La Xá, xã Thanh Tùng	QĐ 01; 03/01/2023	585.6	453.0	53.0	400.0		453.0	53.0	400.0		-	
29	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn La Xá, xã Thanh Tùng	QĐ 257; 02/02/2021	7,175.1	387.0	387.0	-		387.0	387.0	-		-	
30	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Đảng ủy- HĐND- UBND xã Thanh Tùng	QĐ 44; 30/08/2022	674.4	200.0		200.0		200.0		200.0		-	
31	Dự án: Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	QĐ 17; 20/3/2025	129.8	129.8		129.8		103.4		103.4		26.4	
	Xã Đoàn Tùng cũ		70,878.7	25,786.3	3,278.5	22,507.8	-	25,379.2	3,278.5	22,100.7	-	407.1	
32	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trường mầm non đến ngã tư trạm y tế Đoàn Tùng)	QĐ 39; 08/6/2020	2,876.5	96.2		96.2		96.2		96.2		-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025				Đã thanh toán đến ngày 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:			Tổng	NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác		
					NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác						
33	Đường giao thông xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trạm y tế xã đến đường 392)	QĐ 12; 21/01/2025	5,260.5	3,968.9		3,968.9		3,968.9		3,968.9		-	
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đào Lâm (Đoạn từ cây đa đến đình làng và đoạn từ đường thôn đến nhà ông Tín)	QĐ 41; 24/3/2025	494.1	485.0		485.0		485.0		485.0		-	
35	Đường GTNT thôn Phạm Lâm xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trục đường WB đến trục đường xã)	QĐ 20; 20/02/2024	2,674.7	1,464.3	250.0	1,214.3		1,464.3	250.0	1,214.3		-	
36	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đào Lâm - Thụy Lâm xã Đoàn Tùng (đoạn từ ngã tư trạm y tế xã đến nhà ông Thiệt thôn Thụy Lâm)	QĐ 97; 23/10/2024	5,502.8	4,700.0		4,700.0		4,700.0		4,700.0		-	
37	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã ĐT (Đoạn từ Ngã ba Gốc Quếch đến Giếng Xóm Chúc thôn Đ.Lâm và Đoạn từ nhà Ông Lư đến sông Đồng Cò thôn T.Lâm)	QĐ 172; 31/12/2024	814.2	60.0		60.0		60.0		60.0		-	
38	Đường GTNT xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện. HM: tuyến từ nhà thờ đến nhà ông Sừ thôn Thụy Lâm và tuyến từ nhà ông Hiền Đến nhà ông Bùng thôn Phạm Lâm	QĐ 5; 13/3/2018	3,011.7	328.1	258.0	70.1		328.1	258.0	70.1		-	
39	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn P.Lâm xã ĐT (Đoạn từ Công chào xóm Châm đến nhà ông Thường và Đoạn từ nhà ông Thường đến nhà ông Tuấn)	QĐ 123; 13/11/2023	630.5	119.0	119.0	-		119.0	119.0	-		-	
40	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng (Đoạn từ đường tỉnh 392 tới đường 393 qua thôn Đào Lâm)	QĐ 451; 03/7/2012	3,167.0	587.5		587.5		587.5		587.5		-	
41	Xây dựng sân thể thao khu dân cư số 1 xã Đoàn Tùng	QĐ 96; 02/10/2017	998.3	63.3		63.3		63.3		63.3		-	
42	Sân vận động thôn Thụy Lâm, xã Đoàn Tùng; Hạng mục: Sân nền	QĐ 90; 25/8/2023	1,557.2	455.0		455.0		455.0		455.0		-	
43	Xây dựng sân thể thao thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng	QĐ 69; 29/9/2017	631.4	62.9		62.9		62.9		62.9		-	
44	Trường MN xã Đoàn Tùng. HM nhà lớp học 2T4P	QĐ 08; 03/4/2018	4,495.9	2,454.0	454.0	2,000.0		2,454.0	454.0	2,000.0		-	
45	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng	QĐ 1747; 30/6/2017	4,927.7	504.6	504.6	-		504.6	504.6	-		-	
46	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và sân, bồn cây trường mầm non	QĐ 60; 27/9/2018	5,603.5	898.0	398.0	500.0		898.0	398.0	500.0		-	
47	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng	QĐ 2811; 22/10/2010	6,131.3	253.0		253.0		253.0		253.0		-	
48	Nhà đa năng trường Tiểu học	QĐ 1850; 12/7/2017	4,348.5	176.0	176.0	-		176.0	176.0	-		-	
49	Xây mới tường rào trường THCS, xây rãnh thoát nước từ trường Mầm non đến trường Tiểu học	QĐ 80; 01/11/2017	798.3	147.5	147.5	-		147.5	147.5	-		-	
50	Nhà làm việc công an xã Đoàn Tùng (móng 3 tầng)	QĐ 87 ; 31/10/2022	8,337.1	2,201.7	201.7	2,000.0		2,201.7	201.7	2,000.0		-	
51	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đào Lâm	QĐ 84; 15/8/2023	300.1	55.6		55.6		55.6		55.6		-	
52	Sân lắp mương từ trường Mầm non đến trường Tiểu học xã Đoàn Tùng	QĐ 64; 15/9/2017	830.5	129.6	129.6	-		129.6	129.6	-		-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025				Đã thanh toán đến ngày 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:			Tổng	NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác		
					NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác						
53	Điện chiếu sáng đường GT xã Đoàn Tùng	QĐ 63; 13/9/2017	318.7	144.9	144.9	-		144.9	144.9	-		-	
54	Trồng bổ sung cây xanh trên tuyến đường trục xã và lắp dựng cột cờ tại vị trí ao bơi xã Đoàn Tùng	QĐ 137; 28/11/2023	349.4	204.0	204.0	-		204.0	204.0	-		-	
55	Nhà làm việc các ngành UBND xã	QĐ 47; 30/10/2019	582.3	291.2	291.2	-		291.2	291.2	-		-	
56	Dự án: Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	QĐ 48; 27/3/2025	135.9	135.9		135.9		129.0		129.0		6.9	
57	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng (Đoạn từ nhà ông Thiết - nhà ông Duyệt thôn Thấu Lâm và từ nhà ông Cán - nhà ông Bùng thôn Phạm Lâm)	QĐ 70; 08/5/2025	6,100.6	5,800.0		5,800.0		5,399.8		5,399.8		400.2	
	Xã Phạm Kha cũ		69,116.0	32,074.1	10,705.8	21,368.3	-	31,232.6	10,671.3	20,561.2	-	841.5	
58	Nhà văn hóa thôn Đỗ Thượng xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	QĐ 2613; 04/08/2015	1,142.9	103.9	103.9	-		103.9	103.9	-		0.0	
59	Trạm Y tế xã Phạm Kha - Huyện Thanh Miện	QĐ 1918; 20/04/2015	4,954.1	282.1	282.1	-		282.1	282.1	-		-	
60	Nhà làm việc ủy ban nhân dân xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	QĐ 11; 23/04/2018	3,237.3	184.8	184.8	-		184.8	184.8	-		-	
61	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phạm Kha Đoạn từ máng cấp I - bưu điện văn hóa xã	QĐ 3754; 31/12/2015	1,176.8	54.8		54.8		54.8		54.8		-	
62	Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phạm Kha; đoạn từ đường huyện Phạm Kha - Lam Sơn đến ngã tư đình Đỗ Lâm Thượng	QĐ 2472; 27/09/2017	4,994.3	324.4	324.4	-		324.4	324.4	-		-	
63	Xây mới bể cứu hỏa, nhà cầu nối hai nhà lớp học và mái chống nóng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	QĐ54; 26/07/2017	587.1	67.2		67.2		63.2		63.2		4.0	
64	Công trình Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	QĐ 961; 31/03/2017	4,966.4	271.0	271.0	-		250.4	250.4	-		20.6	
65	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn từ mép cầu bần đi bãi rác thôn Đỗ Hạ xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện (Km 0 - Km1 +168,60)	QĐ 03; 24/01/2018	1,856.8	313.5	313.5	-		313.5	313.5	-		-	
66	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	QĐ 2677; 06/08/2015	3,102.6	112.7	112.7	-		112.7	112.7	-		-	
67	Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học xã Phạm Kha huyện Thanh Miện.	QĐ 29; 20/05/2021	1,277.5	1,195.8	1,195.8	-		1,195.8	1,195.8	-		0.0	
68	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ công ông Quế đến ngã ba cửa nhà ông Dũng, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương	QĐ 33; 15/06/2021	4,859.8	2,264.0	2,264.0	-		2,259.9	2,259.9			4.1	
69	Di chuyển trạm biến áp Phạm Kha 3, xã Phạm Kha	QĐ 23; 21/11/2022	500.7	184.259	184.3	-		174.5	174.5	-		9.7	
70	Nhà làm việc 2 tầng UBND xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	QĐ 18; 30/05/2023	3,674.4	3,502.5	302.5	3,200.0		3,502.5	302.5	3,200.0		-	
71	Nhà vòm trường mầm non xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	QĐ 35; 16/10/2019	707.8	659.4	659.4	-		659.4	659.4			0.0	
72	Lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm nước cho 80ha vùng trồng rau màu tập trung xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	QĐ 36a; 30/10/2018	9,215.2	3,507.5	3,507.5	-		3,507.5	3,507.5	-		-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025			Đã thanh toán đến ngày 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:			Tổng	NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)			Nguồn khác
					NS tỉnh hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác						
73	Xây dựng nhà cầu và một số hạng mục phụ trợ Đảng ủy, HĐND, UBND xã Phạm Kha	QĐ 127; 19/12/2023	740.6	680.9		680.9		630.0		630.0		50.9	
74	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đội 3 thôn Đỗ Thượng, đội 6 thôn Đỗ Hạ và đội 10 thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	QĐ 47.1.b; 08/11/2024	218.8	20.4		20.4		20.430		20.4		-	
75	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	QĐ 16; 26/03/2025	99.9	99.9		99.9		95.153860		95.2		4.8	
76	Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư khu sỏi mè, xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	QĐ 351; 19/06/2024	105.4	79.6		79.6		79.0		79.0		0.6	
77	Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính từ Trạm Y tế đến chợ Độ, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	QĐ 68; 27/12/2024	14,995.8	13,000.0		13,000.0		12,617.5		12,617.5		382.5	
78	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha (đoạn từ Trạm biển áp đến ngã tư nhà ông Thơm)	QĐ 13; 14/03/2025	2,240.8	2,300.0		2,300.0		2,166.6		2,166.6		133.4	
79	Cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	QĐ 29; 16/09/2024	2,784.5	2,761.1	1,000.0	1,761.1		2,634.4	1,000.0	1,634.4		126.6	
80	Trạm y tế xã Phạm Kha; hạng mục: kê chân cát, san lấp mặt bằng	Số 51, ngày 10/09/2016	678.1	43.5		43.5						43.5	
81	Các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Phạm Kha	Số 08, ngày 09/02/2017	998.4	60.8		60.8						60.8	
II	Các dự án bổ sung sau ngày 01/7/2025		8,873.0	7,954.4	-	2,954.4	5,000	-	-	-	-	-	-
1	Cải tạo sân Trữ sở làm việc khối Đảng và MTTQ xã Nguyễn Lương Bằng		1,100.0	770.0		770.0							
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa trung tâm xã Nguyễn Lương Bằng		350.0	270.0		270.0							
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa trung tâm xã Thanh Tùng cũ thành Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Nguyễn Lương Bằng		1,200.0	691.4		691.4							
4	Dự án Trường mầm non Thanh Tùng; hạng mục: Nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ		6,223.0	6,223.0		1,223.0	5,000.0						

Phụ lục số 02: Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số: 425/BC-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

ĐVT: Tr.đồng

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
1	2	5		9		11				12			
	Tổng cộng (I+II)		477,437.9	292,310.6	247,893.8	39,416.9	5,000.0	283,042.6	243,639.6	39,403.0	-	-	
I	Các dự án do các xã cũ bàn giao		468,564.9	284,356.3	244,939.4	39,416.9	-	283,042.6	243,639.6	39,403.0	-	1,313.6	-
	Xã Nhân Quyền cũ		78,199.3	51,165.0	40,856.4	10,308.6	-	51,126.4	40,817.8	10,308.6	-	38.6	-
1	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 1 (Đoạn từ ngã tư Đồng Tròn đi bãi rác Phen 1)	2020	539.4	64.1	64.1	-		64.1	64.1	-		-	
2	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 2 (Đoạn từ Công Khoang đường Hương đi cây Si)	2020	745.4	81.8	81.8	-		81.8	81.8	-		-	
3	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 3 (Đoạn từ Đồng Bờ đi đường gom Quốc lộ 5B)	2020	923.1	126.5	126.5	-		126.5	126.5	-		-	
4	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 3 (Đoạn từ ông Nhất đi Vung)	2020	472.3	54.2	54.2	-		54.2	54.2	-		-	
5	Điểm dân cư mới thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2020-2021	1,102.8	1,130.6	1,130.6			1,130.6	1,130.6			-	
6	Nâng cấp, cải tạo đường xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang; Đoạn từ đường gom QL5B vào ngã tư thôn Bùi Xá; Hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước	2020-2021	5,038.4	3,809.5	3,809.5	-		3,809.5	3,809.5	-		-	
7	Cải tạo mở rộng đoạn đường nối giữa đường trung tâm xã với đường vào thôn Đan Loan và cải tạo mương thoát nước giáp trường mầm non trung tâm xã	2021	439.5	436.8	330.3	106.5		436.8	330.3	106.5		-	
8	Trường tiểu học Nhân Quyền; Hạng mục: Tường rào	2020	308.8	265.9	265.9			265.9	265.9			-	
9	Trường THCS Nhân Quyền- Hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà vệ sinh	2020	968.9	283.8	283.8	-		283.8	283.8	-		-	
10	Nâng cấp, cải tạo nhà vệ sinh và các hạng mục khác trường Tiểu học Nhân Quyền	2021	1,117.0	1,104.9	663.6	441.3		1,104.9	663.6	441.3		-	
11	Đường và các hạng mục phụ trợ vào ao bơi xã Nhân Quyền	2020	587.1	114.4	114.4	-		114.4	114.4	-		-	
12	Nâng cấp, cải tạo đường trục xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang - T1: từ TL 392 vào thôn Dương Xá - T2: từ ngã tư TT xã vào thôn Bùi Xá.	2019	8,065.8	882.9	882.9	-		882.9	882.9	-		-	
13	Cải tạo cổng, tường rào - Trường THCS Nhân Quyền	2020	620.9	172.3	21.3	151.1		172.3	21.3	151.1		-	
14	Trung tâm VH-TT xã Nhân Quyền; Hạng mục: San nền, đường pit, thoát nước, sân khấu, khán đài, sân, nhà vệ sinh, cổng, điện chiếu sáng	2019	6,027.3	2,393.6	2,393.6	-		2,393.6	2,393.6	-		-	
15	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khác trường THCS Nhân Quyền,	2020	1,197.3	1,186.4	1,000.0	186.4		1,186.4	1,000.0	186.4		-	
16	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	2021	246.0	246.0	246.0	-		246.0	246.0	-		-	
17	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè tuyến đường trục xã đoạn từ trường THCS đến đầu thôn Đan Loan	2022	782.3	777.8	592.7	185.1		777.8	592.7	185.1		-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
18	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thôn Đan Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2021-2022	7,502.6	7,502.0	7,502.0	-		7,502.0	7,502.0	-		-	
19	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nhân Quyền	2017	3,063.7	200.0		200.0		200.0		200.0		-	
20	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Dương Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2022	10,551.4	10,530.7	5,449.3	5,081.4		10,530.7	5,449.3	5,081.4		-	
21	Xây dựng, cải tạo vỉa hè và mương thoát nước tuyến đường trục xã đoạn từ THCS đến trường mầm non trung tâm xã	2022	868.5	868.5		868.5		868.5		868.5		-	
22	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Bùi Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2022-2023	10,336.5	10,336.5	8,205.0	2,131.5		10,336.5	8,205.0	2,131.5		-	
23	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Hoà Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2022	4,788.2	4,760.5	4,308.0	452.5		4,760.5	4,308.0	452.5		-	
24	Nâng cấp, cải tạo sân, hệ thống thoát nước trụ sở Đảng uỷ- HDND - UBND xã Nhân Quyền	2022	2,884.3	2,884.0	2,884.0	-		2,884.0	2,884.0	-		-	
25	Trường THCS Nhân Quyền: Hạng mục Tường rào, san lấp, rãnh thoát nước	2019	-	105.9		105.9		105.9		105.9		-	
26	Nâng cấp, tu sửa nhà Bía nơi thành lập Đảng bộ xã tại thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền	2022	400.8	398.5		398.5		398.5		398.5		-	
27	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	2025	484.1	446.9	446.9	-		408.4	408.4	-		38.6	
28	Dự án: Diêm dân cư mới thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (Giai đoạn 1); Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, phá dỡ mương, san lấp mặt bằng	2021-2022	8,137.0									-	
	Xã Thanh Tùng cũ	0	87,391.0	57,543.4	51,151.8	6,391.6	-	57,517.0	51,125.4	6,391.6	-	26.4	-
1	Sân, đường, bể nước mưa UBND xã	2013-2014	816.4	500.0	500.0			500.0	500.0			-	
2	Cổng, tường rào và nhà vệ sinh trường THCS Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2018-2018	712.8	665.0	500.0	165.0		665.0	500.0	165.0		-	
3	Trường tiểu học xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	2018-2019	4,341.7	3,151.2	2,756.2	395.0		3,151.2	2,756.2	395.0		-	
4	Cải tạo đường vào khu di tích lịch sử quốc gia Đình Đông xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2018-2018	1,214.3	300.0	-	300.0		300.0	-	300.0		-	
5	Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh xã	2019-2019	1,011.1	300.0	300.0			300.0	300.0			-	
6	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCH Thanh Tùng	2018-2018	3,861.2	1,332.3	1,332.3			1,332.3	1,332.3			-	
7	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà bếp + nhà ăn	2018-2019	1,221.8	1,100.0	1,000.0	100.0		1,100.0	1,000.0	100.0		-	
8	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	2018-2019	13,818.7	7,492.8	7,092.8	400.0		7,492.8	7,092.8	400.0		-	
9	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nâng tầng 2 nhà lớp học 1 tầng 3 phòng - móng 2 tầng thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	2018-2018	2,815.8	1,090.0	800.0	290.0		1,090.0	800.0	290.0		-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
10	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 3 phòng - móng 2 tầng thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	2017-2018	4,951.3	2,115.0	2,000.0	115.0		2,115.0	2,000.0	115.0		-	
11	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Sân nền, cổng, tường rào và nhà bảo vệ	2017-2018	3,543.3	1,140.0	1,000.0	140.0		1,140.0	1,000.0	140.0		-	
12	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hạng mục: Cổng thoát nước, tường kê và giai đoạn 1 san lấp	2016-2017	4,486.5	1,083.2	1,083.2			1,083.2	1,083.2			-	
13	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hạng mục: Sân gạch, bồn hoa, rãnh thoát nước	2019-2020	4,431.5	4,105.0	4,000.0	105.0		4,105.0	4,000.0	105.0		-	
14	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2021-2021	7,175.1	6,887.0	6,500.0	387.0		6,887.0	6,500.0	387.0		-	
15	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường 392 đến điểm dân cư mới thôn La Xá	2021-2021	497.6	459.0	400.0	59.0		459.0	400.0	59.0		-	
16	Hỗ trợ tu bổ nâng cấp di tích Đình La Xá	2021-2022	3,100.0	500.0	500.0			500.0	500.0			-	
17	Các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Thanh Tùng	2021-2021	3,821.2	3,563.1	3,563.1			3,563.1	3,563.1			-	
18	Cải tạo nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú- La Xá, đoạn từ đường 392 đến KDC La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2022-2023	12,533.4	11,525.0	9,162.4	2,362.6		11,525.0	9,162.4	2,362.6		-	
19	Xây dựng nhà làm việc Công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2022-2023	4,961.5	4,530.0	3,130.0	1,400.0		4,530.0	3,130.0	1,400.0		-	
20	Di chuyển đường điện 0,4kV phục vụ GPMB thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú – La Xá, xã Thanh Tùng	2022-2023	585.6	553.0	500.0	53.0		553.0	500.0	53.0		-	
21	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2022-2022	674.4	600.0	600.0			600.0	600.0			-	
22	Hỗ trợ nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	2023-2023	4,178.5	1,980.1	1,980.1			1,980.1	1,980.1			-	
23	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và nhà hiệu bộ trường tiểu học; nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Thanh Tùng	2023-2023	232.0	220.0	100.0	120.0		220.0	100.0	120.0		-	
24	Nhà xe sân đường nội bộ nhà làm việc công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2024-2024	330.2	292.8	292.8			292.8	292.8			-	
25	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn La Xá xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2024-2024	813.7	797.4	797.4			797.4	797.4			-	
26	Chi quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Tùng đến năm 2030	2023-2024	307.1	307.1	307.1			307.1	307.1			-	
27	Sửa chữa các Hạng mục công trình khắc phục sau bão số 03: Trường Mầm non -Tiểu học -THCS - Trạm y tế xã Thanh Tùng	2024-2024	824.5	824.5	824.5			824.5	824.5			-	
28	Dự án: Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2024-2025	129.8	129.8	129.8			103.4	103.4			26.4	
	Xã Đoàn Tùng cũ		187,767.9	123,131.0	113,956.5	9,174.5	-	122,723.9	113,549.4	9,174.5	-	407.1	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường bê tông Asphalt xã Đoàn Tùng tuyến từ chùa Lê Chung đến trạm y tế	2018-2019	3,542.0	3,288.1	3,288.1	-		3,288.1	3,288.1	-		-	
2	Đường GTNT xã Đoàn Tùng. Hạng mục: Tuyến từ nhà thờ đến nhà ông Sứ thôn Thúi Lâm và tuyến từ nhà ông Hiền đến nhà ông Bùng thôn Phạm Lâm	2018-2018	3,012.0	2,854.1	2,596.1	258.0		2,854.1	2,596.1	258.0		-	
3	Nhà đa năng trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2017-2018	4,348.0	2,932.7	2,756.7	176.0		2,932.7	2,756.7	176.0		-	
4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xã Đoàn Tùng	2017-2018	4,927.0	4,400.2	3,895.6	504.6		4,400.2	3,895.6	504.6		-	
5	Các hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2018-2018	966.0	618.0	618.0	-		618.0	618.0	-		-	
6	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng (đơn nguyên 2)	2017-2018	4,184.0	2,217.3	2,217.3	-		2,217.3	2,217.3	-		-	
7	Cổng, tường rào sân vận động xã Đoàn Tùng giai đoạn 2	2015-2016	1,050.0	146.3	146.3	-		146.3	146.3	-		-	
8	Xây dựng sân thể thao thôn Đào Lâm xã Đoàn Tùng	2017-2017	631.0	562.1	562.1	-		562.1	562.1	-		-	
9	Xây dựng hệ thống cấp điện cho điểm dân cư mới thôn Phạm Lâm	2018-2018	335.0	325.7	325.7	-		325.7	325.7	-		-	
10	Hạ tầng kĩ thuật điểm dân cư mới khu dân cư số 1 xã Đoàn Tùng	2021-2021	6,599.0	6,498.0	6,498.0	-		6,498.0	6,498.0	-		-	
11	Cải tạo trường Mầm non Đoàn Tùng	2016	414.4	18.1	18.1	-		18.1	18.1	-		-	
12	Trường mầm non xã Đoàn Tùng HM nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	2018-2018	4,495.9	4,125.5	2,471.5	1,654.0		4,125.5	2,471.5	1,654.0		-	
13	Nhà chức năng trường Mầm non Đoàn Tùng	2014-2015	2,985.4	112.8	112.8	-		112.8	112.8	-		-	
14	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và sân, bồn cây trường mầm non Đoàn Tùng	2018-2021	5,603.5	5,129.3	2,031.3	3,098.0		5,129.3	2,031.3	3,098.0		-	
15	Cải tạo quét vôi ve nhà lớp học 2t8p, nhà hiệu bộ và mái tôn che sân trường MN Đoàn Tùng	2021	1,043.6	974.0	974.0			974.0	974.0			-	
16	San nền, kê chắn cát trường mầm non và một phần trường THCS xã Đoàn Tùng	2011	2,737.8	226.2	226.2			226.2	226.2			-	
17	Cải tạo trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2015-2016	838.4	714.8	714.8			714.8	714.8			-	
18	Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2015-2015	947.5	109.2	109.2			109.2	109.2			-	
19	Bể dạy bơi học sinh trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2015-2015	746.7	88.4	88.4			88.4	88.4			-	
20	Cải tạo sân, tường rào trường THCS Đoàn Tùng	2021-2021	839.5	753.9	753.9			753.9	753.9			-	
21	Vườn sinh vật và cải tạo mái chống nóng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS xã Đoàn Tùng	2018-2018	347.1	200.0	200.0			200.0	200.0			-	
22	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Đoàn Tùng	2014-2014	2,290.7	383.6	383.6			383.6	383.6			-	
23	Nhà văn hóa thôn Đào Lâm. HM: san lấp, rãnh thoát nước, cổng, tường rào	2014-2015	872.7	87.6	87.6			87.6	87.6			-	
24	Nhà văn hóa thôn Đào Lâm. HM: nhà văn hóa	2014-2015	1,217.3	68.3	68.3			68.3	68.3			-	
25	Cổng, tường rào sân vận động xã GD 1	2015	683.2	169.1	169.1			169.1	169.1			-	
26	Sân thể thao khu dân cư số 1	2017-2018	998.3	263.3	63.3	200.0		263.3	63.3	200.0		-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
27	Xây mới cổng, tường rào sân bóng thôn Phạm Lâm	2018-2018	181.1	100.0	100.0			100.0	100.0			-	
28	Xây mới mương thoát nước thôn Đào Lâm xã Đoàn Tùng	2016-2016	997.3	47.8	47.8			47.8	47.8			-	
29	Đường GTNT xã Đoàn Tùng	2011-2011	2,301.3	672.9	672.9			672.9	672.9			-	
30	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng. Giai đoạn 1: tuyến từ đường tỉnh 392 đến đường vào đình thôn Đào Lâm	2015-2015	956.4	183.9	183.9			183.9	183.9			-	
31	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng. Giai đoạn 2: tuyến từ đường tỉnh 392 đến đường vào đình thôn Đào Lâm	2015-2015	958.4	586.7	586.7			586.7	586.7			-	
32	Đường GTNT xã Đoàn Tùng	2017-2017	2,589.7	168.1	168.1			168.1	168.1			-	
33	Xây dựng cầu gồng vào khu dân cư thôn Thủy Lâm	2018-2018	2,202.9	302.8	302.8			302.8	302.8			-	
34	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục xã xã Đoàn Tùng (đoạn từ trường mầm non Đoàn Tùng đến ngã tư trạm y tế Đoàn Tùng)	2020	2,876.5	195.0	195.0			195.0	195.0			-	
35	Nâng cấp, cải tạo via hè đường trục xã đoạn từ đường tỉnh 392 đến chùa Lê Trung xã Đoàn Tùng	2022-2023	6,705.8	6,447.0	6,447.0			6,447.0	6,447.0			-	
36	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Đoàn Tùng (đoạn từ đường tỉnh 392 vào thôn Đào Lâm)	2022-2023	12,362.1	11,863.6	11,863.6			11,863.6	11,863.6			-	
37	Cải tạo, nâng cấp Đường GTNT xã Đoàn Tùng (Đoạn từ ruộng nhà ông Miên đến KDC Thờ Nợ)	2022-2022	992.6	927.2	927.2			927.2	927.2			-	
38	Trụ sở Đảng ủy, UBND xã. HM: cải tạo, sửa chữa	2018-2018	529.9	497.9	497.9			497.9	497.9			-	
39	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên phía trước nghĩa trang liệt sỹ và cảnh quan đường đôi	2021-2021	994.0	909.4	909.4			909.4	909.4			-	
40	Di chuyển đường dây 22KV và xây dựng TBA 180KVA-22/0.4KV cấp điện cho điểm dân cư mới KDC số 1. HM: Xây dựng trạm biến áp 180KVA-22/0,4KV	2021-2022	472.3	448.9	448.9			448.9	448.9			-	
41	Di chuyển đường dây 22KV và xây dựng TBA 180KVA-22/0.4KV cấp điện cho điểm dân cư mới KDC số 1. HM: Di chuyển đường dây 22KV lộ 472 E8.14	2021	564.6	527.1	527.1			527.1	527.1			-	
42	Xây dựng đường dây 0,4KV cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng điểm dân cư mới KDC số 1 xã Đoàn Tùng	2022	374.9	346.2	346.2			346.2	346.2			-	
43	HTKT khu dân cư tập trung Thờ Nợ xã Đoàn Tùng. Hạng mục Tường kê + san nền - vị trí 2	2022-2022	14,165.0	13,340.9	13,340.9			13,340.9	13,340.9			-	
44	HTKT khu dân cư tập trung Thờ Nợ xã Đoàn Tùng. Hạng mục giao thông + thoát nước + cấp nước + cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng	2022	14,877.4	6,659.1	6,659.1			6,659.1	6,659.1			-	
45	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Đoàn Tùng	2014-2014	1,505.8	5.1	5.1			5.1	5.1			-	
46	xây mới nhà quán trang nghĩa trang liệt sỹ xã Đoàn Tùng	2022-2022	277.4	256.7	256.7			256.7	256.7			-	
47	Nhà làm việc công an xã Đoàn Tùng (móng 3 tầng)	2022-2023	8,337.1	7,829.1	5,627.4	2,201.7		7,829.1	5,627.4	2,201.7		-	
48	Cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe trường mầm non xã Đoàn Tùng	2013-2013	1,706.0	5.8	5.8			5.8	5.8			-	
49	Thay mới hệ thống cửa trường Tiểu học Đoàn Tùng	2020-2020	686.0	5.6	5.6			5.6	5.6			-	
50	Thay mới hệ thống cửa trường THCS Đoàn Tùng	2020-2020	600.8	28.7	28.7			28.7	28.7			-	
51	Trồng bổ sung cây xanh trên tuyến đường trục xã và lắp dựng cột cờ tại vị trí ao bơi xã Đoàn Tùng	2023-2023	349.4	319.8	319.8			319.8	319.8			-	
52	Sân vận động thôn Thủy Lâm xã Đoàn Tùng. HM San nền	2023-2023	1,557.2	1,453.5	1,453.5			1,453.5	1,453.5			-	
53	Cải tạo bờ lốc, via hè, thoát nước, cây xanh đường tỉnh 392 từ Km12+322 đến 13+560 (đoạn qua địa phận khu dân cư số 1 xã Đoàn Tùng)	2023-2023	8,336.2	6,143.9	6,143.9			6,143.9	6,143.9			-	
54	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã ĐT (Đoạn từ Ngã ba Góc Quếch đến Giếng Xóm Chúc thôn Đ.Lâm và Đoạn từ nhà Ông Lư đến sông Đồng Cỏ thôn T.Lâm)	2024-2024	814.2	767.1	767.1			767.1	767.1			-	
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn P.Lâm xã ĐT (Đoạn từ Công chào xóm Châm đến nhà ông Thường và Đoạn từ nhà ông Thường đến nhà ông Tuấn)	2023-2023	630.5	593.9	474.9	119.0		593.9	474.9	119.0		-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
56	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Đoàn Tùng	2021-2021	4,479.9	2,243.9	2,243.9			2,243.9	2,243.9			-	
57	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng	2024-2024	300.1	277.6	277.6			277.6	277.6			-	
58	Xây dựng mái vòm Trường Mầm non xã Đoàn Tùng	2024-2024	714.8	453.4	453.4			453.4	453.4			-	
59	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa trung tâm xã Đoàn Tùng	2024-2024	872.7	460.6	460.6			460.6	460.6			-	
60	Trạm y tế xã Đoàn Tùng. HM: nâng tầng 2 nhà khám và điều trị bệnh nhân - phần xây thô	2014-2014	814.9	92.2	92.2			92.2	92.2			-	
61	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã ĐT đoạn từ ngã tư trạm y tế đi vào khu dân cư (Km0+00-Km0+260,4)	2015-2016	715.4	81.3	81.3			81.3	81.3			-	
62	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đào Lâm - Thúy lâm xã Đoàn Tùng (Đoạn từ ngã tư trạm y tế xã đến nhà ông Thiệt thôn Thúy Lâm)	2024-2025	5,502.8	4,903.3	4,903.3			4,903.3	4,903.3			-	
63	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phạm Lâm (Đoạn từ trục đường WB đến trục đường xã)	2024-2024	2,674.7	2,610.0	2,360.0	250.0		2,610.0	2,360.0	250.0		-	
64	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Tùng (Đoạn từ nhà bà Xuân xóm Mòi đến chùa Mai Trung thôn Đào Lâm)	2024-2025	117.4	110.0	110.0			110.0	110.0			-	
65	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Tùng (Đoạn từ đường WB đến trạm y tế xã và đoạn từ giếng xóm Đông đến nhà ông Nhật xóm Trại)	2024-2024	1,197.4	1,055.0	1,055.0			1,055.0	1,055.0			-	
66	Đường giao thông xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trạm y tế xã đến đường 392)	2025 - 2025	5,260.5	3,968.9	3,968.9			3,968.9	3,968.9			-	
67	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đào Lâm (Đoạn từ cây đa đến đình làng và đoạn từ đường thôn đến nhà ông Tín)	2025	494.1	485.0	485.0			485.0	485.0			-	
68	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng (Đoạn từ đường tỉnh 392 tới đường 393 qua thôn Đào Lâm)	2012-2013	3,167.0	587.5	587.5			587.5	587.5			-	
69	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng	2010-2012	6,131.3	253.0	253.0			253.0	253.0			-	
70	Xây mới tường rào trường THCS, xây rãnh thoát nước từ trường Mầm non đến trường Tiểu học	2017-2018	798.3	147.5	-	147.5		147.5	-	147.5		-	
71	San lấp mương từ trường Mầm non đến trường Tiểu học xã Đoàn Tùng	2017-2017	830.5	129.6	-	129.6		129.6	-	129.6		-	
72	Điện chiếu sáng đường GT xã Đoàn Tùng	2017-2017	318.7	144.9	-	144.9		144.9	-	144.9		-	
73	Nhà làm việc các ngành UBND xã	2019-2019	582.3	291.2	-	291.2		291.2	-	291.2		-	
74	Dự án: Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2025-2025	135.9	135.9	135.9			129.0	129.0			6.9	
75	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng (Đoạn từ nhà ông Thiệt - nhà ông Duyệt thôn Thúy Lâm và từ nhà ông Cán - nhà ông Bùng thôn Phạm Lâm)	2025-2025	6,100.6	5,800.0	5,800.0			5,399.8	5,399.8			400.2	
	Xã Phạm Kha cũ		115,206.7	52,516.9	38,974.7	13,542.2	-	51,675.4	38,147.0	13,528.3	-	841.5	-
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phạm Kha (Đoạn: từ máng cấp I - bưu điện văn hóa xã)	2016-2016	1,177.0	65.8	65.8			65.8	65.8			-	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phạm Kha; đoạn từ đường huyện Phạm Kha- Lam son đến ngã tư đình Đỗ Lâm Thượng xã Phạm Kha	2017-2018	4,994.0	1,701.4	1,377.0	324.4		1,701.4	1,377.0	324.4		-	
3	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn từ mép đường nhựa WB đến trạm bơm đồng bì xã Phạm Kha	2018-2018	2,442.0	1,613.0	1,613.0			1,613.0	1,613.0			-	
4	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn từ mép cầu bán đi bãi rác thôn Đỗ Hạ xã Phạm Kha	2018-2018	1,856.0	1,500.0	1,500.0			1,500.0	1,500.0			-	
5	CT Nhà hiệu bộ và nhà lớp học chức năng trường MN	2013-2014	2,897.0	135.0	135.0			135.0	135.0			-	
6	CT Nhà hiệu bộ trường THCS	2015-2016	3,103.0	353.7	241.0	112.7		353.7	241.0	112.7		-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
7	CT xây mới bể cứu hỏa, nhà cầu nối hai nhà lớp học và mái chống nóng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non.	2017-2017	587.1	535.0	535.004			531.0	531.0			4.0	
8	CT Nhà bếp ăn bán trú trường tiểu học	2017-2017	1,220.0	1,118.0	1,118.0			1,118.0	1,118.0			-	
9	CT Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non	2017-2017	4,966.0	535.6	535.6			515.0	515.0			20.6	
10	CT Cải tạo một số hạng mục phụ trợ trường MN xã	2018-2018	335.0	264.0	264.0			264.0	264.0			-	
11	Trạm y tế xã Phạm Kha	2015-2015	4,954.0	1,755.1	1,473.0	282.1		1,755.1	1,473.0	282.1		-	
12	Trạm y tế xã Phạm Kha; hạng mục: kê chắn cát, san lấp mặt bằng	2016-2016	678.0	92.0	92.0			92.0	92.0			-	
13	Các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Phạm Kha	2017-2017	998.0	103.0	103.0			103.0	103.0			-	
14	CT nhà làm việc UBND xã Phạm Kha	2018-2018	3,237.0	406.8	222.0	184.8		406.8	222.0	184.8		-	
15	CT Block - via hệ tuyến đường vào trụ sở Đảng ủy - HDND - UBND xã Phạm Kha;	2017-2017	619.0	448.0	448.0			448.0	448.0			-	
16	Hạ tầng điểm dân cư: san nền + giao thông + thoát nước khu dân cư thôn Đỗ Hạ	2019-2019	5,169.0	1,608.0	1,608.0			1,608.0	1,608.0			-	
17	Chi phí giải phóng mặt hạ tầng điểm dân cư: san nền + giao thông + thoát nước khu dân cư thôn Đỗ Hạ	2019-2019	25.0	25.0	25.0			25.0	25.0			-	
18	San nền Nhà văn hóa thôn Đỗ Thượng	2015-2015	548.0	114.0	114.0			114.0	114.0			-	
19	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 1)	2015-2015	988.0	51.0	51.0			51.0	51.0			-	
20	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 2)	2015-2016	993.0	35.0	35.0			35.0	35.0			-	
21	Rãnh Thoát nước khu dân cư thôn Đỗ Thượng	2015-2015	435.0	51.0	51.0			51.0	51.0			-	
22	Kiên cố hóa kênh mương	2015-2016	950.0	30.0	30.0			30.0	30.0			-	
23	CT Lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm nước cho 80 ha vùng trồng rau màu tập trung xã Phạm Kha	2018-2019	9,215.0	3,607.5	100.0	3,507.5		3,607.5	100.0	3,507.5		-	
24	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cổng ông Quế đến ngã ba cửa nhà ông Dũng, xã Phạm Kha	07/2021 - 12/2021	4,859.0	4,764.0	2,500.0	2,264.0		4,759.9	2,500.0	2,259.9		4.1	
25	Di chuyển trạm biến áp Phạm Kha 3	2022-2022	500.7	484.3	300.0	184.259		474.5	300.0	174.5		9.7	
26	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 1)	2015-2015	988.0	52.2		52.2		52.2		52.2		-	
27	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 2)	2015-2016	993.0	81.8		81.8		81.8		81.8		-	
28	Công trình cống, hàng rào và nhà để xe sân vận động trung tâm xã	2016-2016	965.0	508.8		508.8		508.8		508.8		-	
29	Công trình hồ ga, rãnh thoát nước, sân khấu ngoài trời và nhà vệ sinh sân vận động trung tâm xã	2016-2016	997.0	325.2		325.2		325.2		325.2		-	
30	Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông Nông thôn, Thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2023-2023	1,047.5	1,000.0	1,000.0			1,000.0	1,000.0			-	
31	CT áp trúc bờ lô chính trang đồng ruộng GĐ 1	2012-2013	1,620.0	165.3		165.3		165.3		165.3		-	
32	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường MN	2011-2021	6,151.1	467.8		467.8		467.8		467.8		-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
33	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng)và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Phạm Kha	2014-2014	4,188.4	383.4		383.4		383.4		383.4		-	
34	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đội 3 thôn Đỗ Thượng, đội 6 thôn Đỗ Hạ và đội 10 thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	218.8	211.6	211.6			211.6	211.6			-	
35	Cải tạo, sửa chữa, khắc phục hậu quả sau bão các công trình trên địa bàn xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	857.2	872.5		872.5		872.5		872.5		-	
36	Chi phí quy hoạch chung xây dựng xã Phạm Kha đến năm 2030	2021-2024	380.8	366.4	366.4			366.4	366.4			-	
37	Nhà làm việc 2 tầng UBND xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	2023-2023	3,674.4	3,502.5	3,200.0	302.5		3,502.5	3,200.0	302.5		-	
38	Xây dựng nhà cầu và một số hạng mục phụ trợ Đảng ủy, HDND, UBND xã Phạm	2023-2024	740.6	680.9	680.9			630.0	630.0			50.9	
39	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phạm Kha, đoạn từ trạm y tế đến chợ Độ xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2025	14,995.8	13,000.0	13,000.0			12,617.5	12,617.5			382.5	
40	Công trình: Cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	2,784.9	1,634.4	1,634.4			1,634.4	1,634.4			-	
41	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	99.9	99.9	99.9			95.2	95.15			4.8	
42	Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư khu sỏi mè, xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	105.4	79.6	79.6			79.0	79.0			0.6	
43	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha (Đoạn từ Trạm biển áp đến ngã tư nhà ông Thơm)	2025-2025	2,240.8	2,300.0	2,300.0			2,166.6	2,166.6			133.4	
44	Nhà văn hóa thôn Đỗ Thượng xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	2015-2016	1,142.9	103.9		103.9		103.9		103.9		0.0	
45	Công trình Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	2017-2018	4,966.4	250.4		250.4		250.4		250.4		-	
46	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn từ mép cầu bản đi bãi rác thôn Đỗ Hạ xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện (Km 0 - Km1 +168,60)	2018-2018	1,856.8	313.5		313.5		313.5		313.5		-	
47	Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học xã Phạm Kha huyện Thanh Miện.	2021-2021	1,277.5	1,195.8		1,195.8		1,195.8		1,195.8		-	
48	Nhà vòm trường mầm non xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	2019-2019	707.8	659.4		659.4		659.4		659.4		0.0	
49	Cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2025	2,784.5	2,761.1	1,761.1	1,000.0		2,634.4	1,634.4	1,000.0		126.6	
50	Trạm y tế xã Phạm Kha; hạng mục: kê chắn cát, san lấp mặt bằng	2016-2016	678.1	43.5	43.5							43.5	Không thanh toán được
51	Các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Phạm Kha	20117-2017	998.4	60.8	60.8							60.8	Không thanh toán được
II	Các dự án bổ sung sau ngày 01/7/2025		8,873.0	7,954.4	2,954.36	-	5,000.0	-	-	-	-	-	-
1	Cải tạo sân Trụ sở làm việc khối Đảng và MTTQ xã Nguyễn Lương Bằng		1,100.0	770.0	770.0								
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa trung tâm xã Nguyễn Lương Bằng		350.0	270.0	270.0								
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa trung tâm xã Thanh Tùng cũ thành Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Nguyễn Lương Bằng		1,200.0	691.4	691.4								

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến 15/12/2025				Số vốn còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác		
4	Dự án Trường mầm non Thanh Tùng; hạng mục: Nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ		6,223.0	6,223.0	1,223.0		5,000.0						

Phụ lục số 03: Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số: 425/BC-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

ĐVT: Tr.đồng

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
1	2	5		9		11						12
	Tổng cộng (I+II)		477,437.9	292,310.6	247,893.8	39,416.9	5,000.0	-	292,310.6	247,893.8	39,416.9	5,000.0
I	Các dự án do các xã cũ bàn giao		468,564.9	284,356.3	244,939.4	39,416.9	-	311.4	284,667.6	245,250.8	39,416.9	-
	Xã Nhân Quyền cũ		78,199.3	51,165.0	40,856.4	10,308.6	-	-	51,165.0	40,856.4	10,308.6	-
1	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 1 (Đoạn từ ngã tư Đồng Tròn đi bãi rác Phen 1)	2020	539.4	64.1	64.1	-			64.1	64.1	-	
2	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 2 (Đoạn từ Công Khoang đường Hương đi cây Si)	2020	745.4	81.8	81.8	-			81.8	81.8	-	
3	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 3 (Đoạn từ Đồng Bờ đi đường gom Quốc lộ 5B)	2020	923.1	126.5	126.5	-			126.5	126.5	-	
4	Đường GTNT xã Nhân Quyền: Tuyến 3 (Đoạn từ ông Nhất đi Vùg)	2020	472.3	54.2	54.2	-			54.2	54.2	-	
5	Điểm dân cư mới thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2020-2021	1,102.8	1,130.6	1,130.6				1,130.6	1,130.6	-	
6	Nâng cấp, cải tạo đường xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang; Đoạn từ đường gom QL5B vào ngã tư thôn Bùi Xá; Hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước	2020-2021	5,038.4	3,809.5	3,809.5	-			3,809.5	3,809.5	-	
7	Cải tạo mở rộng đoạn đường nối giữa đường trung tâm xã với đường vào thôn Đan Loan và cải tạo mương thoát nước giáp trường mầm non trung tâm xã	2021	439.5	436.8	330.3	106.5			436.8	330.3	106.5	
8	Trường tiểu học Nhân Quyền; Hạng mục: Tường rào	2020	308.8	265.9	265.9				265.9	265.9	-	
9	Trường THCS Nhân Quyền- Hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà vệ sinh	2020	968.9	283.8	283.8	-			283.8	283.8	-	
10	Nâng cấp, cải tạo nhà vệ sinh và các hạng mục khác trường Tiểu học Nhân Quyền	2021	1,117.0	1,104.9	663.6	441.3			1,104.9	663.6	441.3	
11	Đường và các hạng mục phụ trợ vào ao bơi xã Nhân Quyền	2020	587.1	114.4	114.4	-			114.4	114.4	-	
12	Nâng cấp, cải tạo đường trục xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang - T1: từ TL 392 vào thôn Dương Xá - T2: từ ngã tư TT xã vào thôn Bùi Xá.	2019	8,065.8	882.9	882.9	-			882.9	882.9	-	
13	Cải tạo cổng, tường rào - Trường THCS Nhân Quyền	2020	620.9	172.3	21.3	151.1			172.3	21.3	151.1	
14	Trung tâm VH-TT xã Nhân Quyền; Hạng mục: San nền, đường pit, thoát nước, sân khấu, khán đài, sân, nhà vệ sinh, cổng, điện chiếu sáng	2019	6,027.3	2,393.6	2,393.6	-			2,393.6	2,393.6	-	
15	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khác trường THCS Nhân Quyền,	2020	1,197.3	1,186.4	1,000.0	186.4			1,186.4	1,000.0	186.4	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
16	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	2021	246.0	246.0	246.0	-			246.0	246.0	-	
17	Nâng cấp, cải tạo via hệ tuyến đường trục xã đoạn từ trường THCS đến đầu thôn Đan Loan	2022	782.3	777.8	592.7	185.1			777.8	592.7	185.1	
18	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thôn Đan Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2021-2022	7,502.6	7,502.0	7,502.0	-			7,502.0	7,502.0	-	
19	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nhân Quyền	2017	3,063.7	200.0		200.0			200.0	-	200.0	
20	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Dương Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2022	10,551.4	10,530.7	5,449.3	5,081.4			10,530.7	5,449.3	5,081.4	
21	Xây dựng, cải tạo via hệ và mương thoát nước tuyến đường trục xã đoạn từ THCS đến trường mầm non trung tâm xã	2022	868.5	868.5		868.5			868.5	-	868.5	
22	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Bùi Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2022-2023	10,336.5	10,336.5	8,205.0	2,131.5			10,336.5	8,205.0	2,131.5	
23	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Hoà Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	2022	4,788.2	4,760.5	4,308.0	452.5			4,760.5	4,308.0	452.5	
24	Nâng cấp, cải tạo sân, hệ thống thoát nước trụ sở Đảng uỷ- HĐND - UBND xã Nhân Quyền	2022	2,884.3	2,884.0	2,884.0	-			2,884.0	2,884.0	-	
25	Trường THCS Nhân Quyền: Hạng mục Tường rào, san lấp, rãnh thoát nước	2019	-	105.9		105.9			105.9	-	105.9	
26	Nâng cấp, tu sửa nhà Bia nơi thành lập Đảng bộ xã tại thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền	2022	400.8	398.5		398.5			398.5	-	398.5	
27	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	2025	484.1	446.9	446.9	-			446.9	446.9	-	
28	Công trình: Điểm dân cư mới thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (Giai đoạn I); Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, phá dỡ mương, san lấp mặt bằng	2021-2022	8,137.0						-	-	-	
	Xã Thanh Tùng cũ	0	87,391.0	57,543.4	51,151.8	6,391.6	-	-	57,543.4	51,151.8	6,391.6	-
1	Sân, đường, bể nước mưa UBND xã	2013-2014	816.4	500.0	500.0				500.0	500.0	-	
2	Cổng, tường rào và nhà vệ sinh trường THCS Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2018-2018	712.8	665.0	500.0	165.0			665.0	500.0	165.0	
3	Trường tiểu học xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	2018-2019	4,341.7	3,151.2	2,756.2	395.0			3,151.2	2,756.2	395.0	
4	Cải tạo đường vào khu di tích lịch sử quốc gia Đình Đồng xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2018-2018	1,214.3	300.0	-	300.0			300.0	-	300.0	
5	Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh xã	2019-2019	1,011.1	300.0	300.0				300.0	300.0	-	
6	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCH Thanh Tùng	2018-2018	3,861.2	1,332.3	1,332.3				1,332.3	1,332.3	-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
7	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà bếp + nhà ăn	2018-2019	1,221.8	1,100.0	1,000.0	100.0			1,100.0	1,000.0	100.0	
8	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	2018-2019	13,818.7	7,492.8	7,092.8	400.0			7,492.8	7,092.8	400.0	
9	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nâng tầng 2 nhà lớp học 1 tầng 3 phòng - móng 2 tầng thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	2018-2018	2,815.8	1,090.0	800.0	290.0			1,090.0	800.0	290.0	
10	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 3 phòng - móng 2 tầng thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	2017-2018	4,951.3	2,115.0	2,000.0	115.0			2,115.0	2,000.0	115.0	
11	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: San nền, cổng, tường rào và nhà bảo vệ	2017-2018	3,543.3	1,140.0	1,000.0	140.0			1,140.0	1,000.0	140.0	
12	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hạng mục: Cổng thoát nước, tường kè và giai đoạn 1 san lấp	2016-2017	4,486.5	1,083.2	1,083.2				1,083.2	1,083.2	-	
13	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hạng mục: Sân gạch, bồn hoa, rãnh thoát nước	2019-2020	4,431.5	4,105.0	4,000.0	105.0			4,105.0	4,000.0	105.0	
14	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2021-2021	7,175.1	6,887.0	6,500.0	387.0			6,887.0	6,500.0	387.0	
15	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường 392 đến điểm dân cư mới thôn La Xá	2021-2021	497.6	459.0	400.0	59.0			459.0	400.0	59.0	
16	Hỗ trợ tu bổ nâng cấp di tích Đình La Xá	2021-2022	3,100.0	500.0	500.0				500.0	500.0	-	
17	Các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Thanh Tùng	2021-2021	3,821.2	3,563.1	3,563.1				3,563.1	3,563.1	-	
18	Cải tạo nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú-La Xá, đoạn từ đường 392 đến KDC La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2022-2023	12,533.4	11,525.0	9,162.4	2,362.6			11,525.0	9,162.4	2,362.6	
19	Xây dựng nhà làm việc Công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2022-2023	4,961.5	4,530.0	3,130.0	1,400.0			4,530.0	3,130.0	1,400.0	
20	Di chuyển đường điện 0,4kV phục vụ GPMB thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú – La Xá, xã Thanh Tùng	2022-2023	585.6	553.0	500.0	53.0			553.0	500.0	53.0	
21	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2022-2022	674.4	600.0	600.0				600.0	600.0	-	
22	Hỗ trợ nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã	2023-2023	4,178.5	1,980.1	1,980.1				1,980.1	1,980.1	-	
23	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và nhà hiệu bộ trường tiểu học; nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Thanh Tùng	2023-2023	232.0	220.0	100.0	120.0			220.0	100.0	120.0	
24	Nhà xe sân đường nội bộ nhà làm việc công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2024-2024	330.2	292.8	292.8				292.8	292.8	-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
25	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn La Xá xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	2024-2024	813.7	797.4	797.4				797.4	797.4	-	
26	Chỉ quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Tùng đến năm 2030	2023-2024	307.1	307.1	307.1				307.1	307.1	-	
27	Sửa chữa các Hạng mục công trình khắc phục sau bão số 03: Trường Mầm non -Tiểu học - THCS - Trạm y tế xã Thanh Tùng	2024-2024	824.5	824.5	824.5				824.5	824.5	-	
28	Dự án: Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2024-2025	129.8	129.8	129.8				129.8	129.8	-	
	Xã Đoàn Tùng cũ		187,767.9	123,131.0	113,956.5	9,174.5	-	-	123,131.0	113,956.5	9,174.5	-
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường bê tông Asphalt xã Đoàn Tùng tuyến từ chùa Lê Chung đến trạm y tế	2018-2019	3,542.0	3,288.1	3,288.1	-			3,288.1	3,288.1	-	
2	Đường GTNT xã Đoàn Tùng. Hạng mục: Tuyến từ nhà thờ đến nhà ông Sứ thôn Thụý Lâm và tuyến từ nhà ông Hiền đến nhà ông Bùng thôn Phạm Lâm	2018-2018	3,012.0	2,854.1	2,596.1	258.0			2,854.1	2,596.1	258.0	
3	Nhà đa năng trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2017-2018	4,348.0	2,932.7	2,756.7	176.0			2,932.7	2,756.7	176.0	
4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xã Đoàn Tùng	2017-2018	4,927.0	4,400.2	3,895.6	504.6			4,400.2	3,895.6	504.6	
5	Các hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2018-2018	966.0	618.0	618.0	-			618.0	618.0	-	
6	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng (đơn nguyên 2)	2017-2018	4,184.0	2,217.3	2,217.3	-			2,217.3	2,217.3	-	
7	Cổng, tường rào sân vận động xã Đoàn Tùng giai đoạn 2	2015-2016	1,050.0	146.3	146.3	-			146.3	146.3	-	
8	Xây dựng sân thể thao thôn Đào Lâm xã Đoàn Tùng	2017-2017	631.0	562.1	562.1	-			562.1	562.1	-	
9	Xây dựng hệ thống cấp điện cho điểm dân cư mới thôn Phạm Lâm	2018-2018	335.0	325.7	325.7	-			325.7	325.7	-	
10	Hạ tầng kĩ thuật điểm dân cư mới khu dân cư số 1 xã Đoàn Tùng	2021-2021	6,599.0	6,498.0	6,498.0	-			6,498.0	6,498.0	-	
11	Cải tạo trường Mầm non Đoàn Tùng	2016	414.4	18.1	18.1	-			18.1	18.1	-	
12	Trường mầm non xã Đoàn Tùng HM nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	2018-2018	4,495.9	4,125.5	2,471.5	1,654.0			4,125.5	2,471.5	1,654.0	
13	Nhà chức năng trường Mầm non Đoàn Tùng	2014-2015	2,985.4	112.8	112.8	-			112.8	112.8	-	
14	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và sân, bồn cây trường mầm non Đoàn Tùng	2018-2021	5,603.5	5,129.3	2,031.3	3,098.0			5,129.3	2,031.3	3,098.0	
15	Cải tạo quét vôi ve nhà lớp học 2t8p, nhà hiệu bộ và mái tôn che sân trường MN Đoàn Tùng	2021	1,043.6	974.0	974.0				974.0	974.0	-	
16	San nền, kê chắn cát trường mầm non và một phần trường THCS xã Đoàn Tùng	2011	2,737.8	226.2	226.2				226.2	226.2	-	
17	Cải tạo trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2015-2016	838.4	714.8	714.8				714.8	714.8	-	
18	Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2015-2015	947.5	109.2	109.2				109.2	109.2	-	
19	Bể dạy bơi học sinh trường tiểu học xã Đoàn Tùng	2015-2015	746.7	88.4	88.4				88.4	88.4	-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
20	Cải tạo sân, tường rào trường THCS Đoàn Tùng	2021-2021	839.5	753.9	753.9				753.9	753.9	-	
21	Vườn sinh vật và cải tạo mái chống nóng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS xã Đoàn Tùng	2018-2018	347.1	200.0	200.0				200.0	200.0	-	
22	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Đoàn Tùng	2014-2014	2,290.7	383.6	383.6				383.6	383.6	-	
23	Nhà văn hóa thôn Đào Lâm. HM: san lấp, rãnh thoát nước, cổng, tường rào	2014-2015	872.7	87.6	87.6				87.6	87.6	-	
24	Nhà văn hóa thôn Đào Lâm. HM: nhà văn hóa	2014-2015	1,217.3	68.3	68.3				68.3	68.3	-	
25	Cổng, tường rào sân vận động xã GD 1	2015	683.2	169.1	169.1				169.1	169.1	-	
26	Sân thể thao khu dân cư số 1	2017-2018	998.3	263.3	63.3	200.0			263.3	63.3	200.0	
27	Xây mới cổng, tường rào sân bóng thôn Phạm Lâm	2018-2018	181.1	100.0	100.0				100.0	100.0	-	
28	Xây mới mương thoát nước thôn Đào Lâm xã Đoàn Tùng	2016-2016	997.3	47.8	47.8				47.8	47.8	-	
29	Đường GTNT xã Đoàn Tùng	2011-2011	2,301.3	672.9	672.9				672.9	672.9	-	
30	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng. Giai đoạn 1: tuyến từ đường tỉnh 392 đến đường vào đình thôn Đào Lâm	2015-2015	956.4	183.9	183.9				183.9	183.9	-	
31	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng. Giai đoạn 2: tuyến từ đường tỉnh 392 đến đường vào đình thôn Đào Lâm	2015-2015	958.4	586.7	586.7				586.7	586.7	-	
32	Đường GTNT xã Đoàn Tùng	2017-2017	2,589.7	168.1	168.1				168.1	168.1	-	
33	Xây dựng cầu gồng vào khu dân cư thôn Thúi Lâm	2018-2018	2,202.9	302.8	302.8				302.8	302.8	-	
34	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục xã xã Đoàn Tùng (đoạn từ trường mầm non Đoàn Tùng đến ngã tư trạm y tế Đoàn Tùng)	2020	2,876.5	195.0	195.0				195.0	195.0	-	
35	Nâng cấp, cải tạo via hệ đường trục xã đoạn từ đường tỉnh 392 đến chùa Lê Trung xã Đoàn Tùng	2022-2023	6,705.8	6,447.0	6,447.0				6,447.0	6,447.0	-	
36	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Đoàn Tùng (đoạn từ đường tỉnh 392 vào thôn Đào Lâm)	2022-2023	12,362.1	11,863.6	11,863.6				11,863.6	11,863.6	-	
37	Cải tạo, nâng cấp Đường GTNT xã Đoàn Tùng (Đoạn từ ruộng nhà ông Miến đến KDC Thờ Nợ)	2022-2022	992.6	927.2	927.2				927.2	927.2	-	
38	Trụ sở Đảng ủy, UBND xã. HM: cải tạo, sửa chữa	2018-2018	529.9	497.9	497.9				497.9	497.9	-	
39	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên phía trước nghĩa trang liệt sỹ và cảnh quan đường đối	2021-2021	994.0	909.4	909.4				909.4	909.4	-	
40	Di chuyển đường dây 22KV và xây dựng TBA 180KVA-22/0.4KV cấp điện cho điểm dân cư mới KDC số 1. HM: Xây dựng trạm biến áp 180KVA-22/0,4KV	2021-2022	472.3	448.9	448.9				448.9	448.9	-	
41	Di chuyển đường dây 22KV và xây dựng TBA 180KVA-22/0.4KV cấp điện cho điểm dân cư mới KDC số 1. HM: Di chuyển đường dây 22KV lộ 472 E8.14	2021	564.6	527.1	527.1				527.1	527.1	-	
42	Xây dựng đường dây 0,4KV cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng điểm dân cư mới KDC số 1 xã Đoàn Tùng	2022	374.9	346.2	346.2				346.2	346.2	-	
43	HTKT khu dân cư tập trung Thờ Nợ xã Đoàn Tùng. Hạng mục Tường kê + san nền - vị trí 2	2022-2022	14,165.0	13,340.9	13,340.9				13,340.9	13,340.9	-	
44	HTKT khu dân cư tập trung Thờ Nợ xã Đoàn Tùng. Hạng mục giao thông + thoát nước + cấp nước + cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng	2022	14,877.4	6,659.1	6,659.1				6,659.1	6,659.1	-	
45	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Đoàn Tùng	2014-2014	1,505.8	5.1	5.1				5.1	5.1	-	
46	xây mới nhà quản trang nghĩa trang liệt sỹ xã Đoàn Tùng	2022-2022	277.4	256.7	256.7				256.7	256.7	-	
47	Nhà làm việc công an xã Đoàn Tùng (móng 3 tầng)	2022-2023	8,337.1	7,829.1	5,627.4	2,201.7			7,829.1	5,627.4	2,201.7	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
48	Công, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe trường mầm non xã Đoàn Tùng	2013-2013	1,706.0	5.8	5.8				5.8	5.8	-	
49	Thay mới hệ thống cửa trường Tiểu học Đoàn Tùng	2020-2020	686.0	5.6	5.6				5.6	5.6	-	
50	Thay mới hệ thống cửa trường THCS Đoàn Tùng	2020-2020	600.8	28.7	28.7				28.7	28.7	-	
51	Trồng bổ sung cây xanh trên tuyến đường trục xã và lắp dựng cột cờ tại vị trí ao bơi xã Đoàn Tùng	2023-2023	349.4	319.8	319.8				319.8	319.8	-	
52	Sân vận động thôn Thủy Lâm xã Đoàn Tùng. HM San nền	2023-2023	1,557.2	1,453.5	1,453.5				1,453.5	1,453.5	-	
53	Cải tạo bờ lốc, via hè, thoát nước, cây xanh đường tỉnh 392 từ Km12+322 đến 13+560 (đoạn qua địa phận khu dân cư số 1 xã Đoàn Tùng)	2023-2023	8,336.2	6,143.9	6,143.9				6,143.9	6,143.9	-	
54	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã ĐT (Đoạn từ Ngã ba Góc Quếch đến Giếng Xóm Chúc thôn Đ.Lâm và Đoàn từ nhà Ông Lư đến sông Đồng Cỏ thôn T.Lâm)	2024-2024	814.2	767.1	767.1				767.1	767.1	-	
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn P.Lâm xã ĐT (Đoạn từ Công chào xóm Chấm đến nhà ông Thường và Đoàn từ nhà ông Thường đến nhà ông Tuấn)	2023-2023	630.5	593.9	474.9	119.0			593.9	474.9	119.0	
56	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Đoàn Tùng	2021-2021	4,479.9	2,243.9	2,243.9				2,243.9	2,243.9	-	
57	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng	2024-2024	300.1	277.6	277.6				277.6	277.6	-	
58	Xây dựng mái vòm Trường Mầm non xã Đoàn Tùng	2024-2024	714.8	453.4	453.4				453.4	453.4	-	
59	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa trung tâm xã Đoàn Tùng	2024-2024	872.7	460.6	460.6				460.6	460.6	-	
60	Trạm y tế xã Đoàn Tùng, HM: nâng tầng 2 nhà khám và điều trị bệnh nhân - phần xây thô	2014-2014	814.9	92.2	92.2				92.2	92.2	-	
61	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã ĐT đoạn từ ngã tư trạm y tế đi vào khu dân cư (Km0+00-Km0+260,4)	2015-2016	715.4	81.3	81.3				81.3	81.3	-	
62	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đào Lâm - Thủy lâm xã Đoàn Tùng (Đoạn từ ngã tư trạm y tế xã đến nhà ông Thiệt thôn Thủy Lâm)	2024-2025	5,502.8	4,903.3	4,903.3				4,903.3	4,903.3	-	
63	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phạm Lâm (Đoạn từ trục đường WB đến trục đường xã)	2024-2024	2,674.7	2,610.0	2,360.0	250.0			2,610.0	2,360.0	250.0	
64	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Tùng (Đoạn từ nhà bà Xuân xóm Mỏi đến chùa Mai Trung thôn Đào Lâm)	2024-2025	117.4	110.0	110.0				110.0	110.0	-	
65	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Tùng (Đoạn từ đường WB đến trạm y tế xã và đoạn từ giếng xóm Đông đến nhà ông Nhật xóm Trại)	2024-2024	1,197.4	1,055.0	1,055.0				1,055.0	1,055.0	-	
66	Đường giao thông xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trạm y tế xã đến đường 392)	2025 - 2025	5,260.5	3,968.9	3,968.9				3,968.9	3,968.9	-	
67	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đào Lâm (Đoạn từ cây đa đến đình làng và đoạn từ đường thôn đến nhà ông Tín)	2025	494.1	485.0	485.0				485.0	485.0	-	
68	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng (Đoạn từ đường tỉnh 392 tới đường 393 qua thôn Đào Lâm)	2012-2013	3,167.0	587.5	587.5				587.5	587.5	-	
69	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng	2010-2012	6,131.3	253.0	253.0				253.0	253.0	-	
70	Xây mới tường rào trường THCS, xây rãnh thoát nước từ trường Mầm non đến trường Tiểu học	2017-2018	798.3	147.5	-	147.5			147.5	-	147.5	
71	San lấp mương từ trường Mầm non đến trường Tiểu học xã Đoàn Tùng	2017-2017	830.5	129.6	-	129.6			129.6	-	129.6	
72	Điện chiếu sáng đường GT xã Đoàn Tùng	2017-2017	318.7	144.9	-	144.9			144.9	-	144.9	
73	Nhà làm việc các ngành UBND xã	2019-2019	582.3	291.2	-	291.2			291.2	-	291.2	
74	Dự án: Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2025-2025	135.9	135.9	135.9				135.9	135.9	-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
75	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng (Đoạn từ nhà ông Thiết - nhà ông Duyệt thôn Thúy Lâm và từ nhà ông Cán - nhà ông Bùng thôn Phạm Lâm)	2025-2025	6,100.6	5,800.0	5,800.0				5,800.0	5,800.0	-	
	Xã Phạm Kha cũ		115,206.7	52,516.9	38,974.7	13,542.2	-	311.4	52,828.3	39,286.1	13,542.2	-
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phạm Kha (Đoạn: từ máng cấp I - bưu điện văn hóa xã)	2016-2016	1,177.0	65.8	65.8				65.8	65.8	-	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phạm Kha; đoạn từ đường huyện Phạm Kha- Lam son đến ngã tư đình Đỗ Lâm Thượng xã Phạm Kha	2017-2018	4,994.0	1,701.4	1,377.0	324.4			1,701.4	1,377.0	324.4	
3	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn từ mép đường nhựa WB đến trạm bơm đồng bì xã Phạm Kha	2018-2018	2,442.0	1,613.0	1,613.0				1,613.0	1,613.0	-	
4	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn từ mép cầu bần đi bãi rác thôn Đỗ Hạ xã Phạm Kha	2018-2018	1,856.0	1,500.0	1,500.0				1,500.0	1,500.0	-	
5	CT Nhà hiệu bộ và nhà lớp học chức năng trường MN	2013-2014	2,897.0	135.0	135.0				135.0	135.0	-	
6	CT Nhà hiệu bộ trường THCS	2015-2016	3,103.0	353.7	241.0	112.7			353.7	241.0	112.7	
7	CT xây mới bể cứu hỏa, nhà cầu nối hai nhà lớp học và mái chống nóng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non.	2017-2017	587.1	535.0	535.004				535.0	535.0	-	
8	CT Nhà bếp ăn bán trú trường tiểu học	2017-2017	1,220.0	1,118.0	1,118.0				1,118.0	1,118.0	-	
9	CT Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non	2017-2017	4,966.0	535.6	535.6				535.6	535.6	-	
10	CT Cải tạo một số hạng mục phụ trợ trường MN xã	2018-2018	335.0	264.0	264.0				264.0	264.0	-	
11	Trạm y tế xã Phạm Kha	2015-2015	4,954.0	1,755.1	1,473.0	282.1			1,755.1	1,473.0	282.1	
12	Trạm y tế xã Phạm Kha; hạng mục: kê chắn cát, san lấp mặt bằng	2016-2016	678.0	92.0	92.0				92.0	92.0	-	
13	Các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Phạm Kha	2017-2017	998.0	103.0	103.0				103.0	103.0	-	
14	CT nhà làm việc UBND xã Phạm Kha	2018-2018	3,237.0	406.8	222.0	184.8			406.8	222.0	184.8	
15	CT Block - vỉa hè tuyến đường vào trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phạm Kha;	2017-2017	619.0	448.0	448.0				448.0	448.0	-	
16	Hạ tầng điểm dân cư: san nền + giao thông + thoát nước khu dân cư thôn Đỗ Hạ	2019-2019	5,169.0	1,608.0	1,608.0				1,608.0	1,608.0	-	
17	Chi phí giải phóng mặt hạ tầng điểm dân cư: san nền + giao thông + thoát nước khu dân cư thôn Đỗ Hạ	2019-2019	25.0	25.0	25.0				25.0	25.0	-	
18	San nền Nhà văn hóa thôn Đỗ Thượng	2015-2015	548.0	114.0	114.0				114.0	114.0	-	
19	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 1)	2015-2015	988.0	51.0	51.0				51.0	51.0	-	
20	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 2)	2015-2016	993.0	35.0	35.0				35.0	35.0	-	
21	Rãnh Thoát nước khu dân cư thôn Đỗ Thượng	2015-2015	435.0	51.0	51.0				51.0	51.0	-	
22	Kiên cố hóa kênh mương	2015-2016	950.0	30.0	30.0				30.0	30.0	-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
23	CT Lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm nước cho 80 ha vùng trồng rau màu tập trung xã Phạm Kha	2018-2019	9,215.0	3,607.5	100.0	3,507.5			3,607.5	100.0	3,507.5	
24	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cống ông Quế đến ngã ba cửa nhà ông Dũng, xã Phạm Kha	07/2021 - 12/2021	4,859.0	4,764.0	2,500.0	2,264.0			4,764.0	2,500.0	2,264.0	
25	Di chuyển trạm biến áp Phạm Kha 3	2022-2022	500.7	484.3	300.0	184.259			484.3	300.0	184.3	
26	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 1)	2015-2015	988.0	52.2		52.2			52.2	-	52.2	
27	Sân vận động (Hạng mục san lấp mặt bằng GĐ 2)	2015-2016	993.0	81.8		81.8			81.8	-	81.8	
28	Công trình cống, hàng rào và nhà để xe sân vận động trung tâm xã	2016-2016	965.0	508.8		508.8			508.8	-	508.8	
29	Công trình hồ ga, rãnh thoát nước, sân khấu ngoài trời và nhà vệ sinh sân vận động trung tâm xã	2016-2016	997.0	325.2		325.2			325.2	-	325.2	
30	Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông Nông thôn, Thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2023-2023	1,047.5	1,000.0	1,000.0				1,000.0	1,000.0	-	
31	CT áp trực bờ lô chỉnh trang đồng ruộng GĐ 1	2012-2013	1,620.0	165.3		165.3			165.3	-	165.3	
32	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường MN	2011-2021	6,151.1	467.8		467.8			467.8	-	467.8	
33	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng)và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Phạm Kha	2014-2014	4,188.4	383.4		383.4			383.4	-	383.4	
34	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đội 3 thôn Đỗ Thượng, đội 6 thôn Đỗ Hạ và đội 10 thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	218.8	211.6	211.6				211.6	211.6	-	
35	Cải tạo, sửa chữa, khắc phục hậu quả sau bão các công trình trên địa bàn xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	857.2	872.5		872.5			872.5	-	872.5	
36	Chi phí quy hoạch chung xây dựng xã Phạm Kha đến năm 2030	2021-2024	380.8	366.4	366.4				366.4	366.4	-	
37	Nhà làm việc 2 tầng UBND xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	2023-2023	3,674.4	3,502.5	3,200.0	302.5			3,502.5	3,200.0	302.5	
38	Xây dựng nhà cầu và một số hạng mục phụ trợ Đảng ủy, HĐND, UBND xã Phạm	2023-2024	740.6	680.9	680.9				680.9	680.9	-	
39	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phạm Kha, đoạn từ trạm y tế đến chợ Đọ xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2025	14,995.8	13,000.0	13,000.0			311.364	13,311.4	13,311.4	-	
40	Công trình: Cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ xã Phạm Kha,huyện Thanh Miện	2024-2024	2,784.9	1,634.4	1,634.4				1,634.4	1,634.4	-	
41	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	99.9	99.9	99.9				99.9	99.9	-	
42	Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư khu sổi mè, xã Phạm kha, huyện Thanh Miện	2024-2024	105.4	79.6	79.6				79.6	79.6	-	
43	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đạo Lâm, xã Phạm Kha (Đoạn từ Trạm biến áp đến ngã tư nhà ông Thơm)	2025-2025	2,240.8	2,300.0	2,300.0				2,300.0	2,300.0	-	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư của dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác			NSX, ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh bổ sung	Nguồn khác
44	Nhà văn hóa thôn Đỗ Thượng xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	2015-2016	1,142.9	103.9		103.9			103.9	-	103.9	
45	Công trình Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	2017-2018	4,966.4	250.4		250.4			250.4	-	250.4	
46	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn từ mép cầu bản đi bãi rác thôn Đỗ Hạ xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện (Km 0 - Km1 +168,60)	2018-2018	1,856.8	313.5		313.5			313.5	-	313.5	
47	Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học xã Phạm Kha huyện Thanh Miện.	2021-2021	1,277.5	1,195.8		1,195.8			1,195.8	-	1,195.8	
48	Nhà vòm trường mầm non xã Phạm Kha, Huyện Thanh Miện	2019-2019	707.8	659.4		659.4			659.4	-	659.4	
49	Cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2024-2025	2,784.5	2,761.1	1,761.1	1,000.0			2,761.1	1,761.1	1,000.0	
50	Trạm y tế xã Phạm Kha; hạng mục: kê chắn cát, san lấp mặt bằng	2016-2016	678.1	43.5	43.5				43.5	43.5	-	
51	Các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Phạm Kha	20117-2017	998.4	60.8	60.8				60.8	60.8	-	
II	Các dự án bổ sung sau ngày 01/7/2025		8,873.0	7,954.4	2,954.36	-	5,000.0	-311.4	7,643.0	2,643.0	-	5,000.0
1	Cải tạo sân Tru sở làm việc khối Đảng và MTTQ xã Nguyễn Lương Bằng		1,100.0	770.0	770.0			310.0	1,080.0	1,080.0		
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa trung tâm xã Nguyễn Lương Bằng		350.0	270.0	270.0			70.0	340.0	340.0		
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa trung tâm xã Thanh Tùng cũ thành Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Nguyễn Lương Bằng		1,200.0	691.4	691.4			-691.4	-	-		
4	Dự án Trường mầm non Thanh Tùng; hạng mục: Nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ		6,223.0	6,223.0	1,223.0		5,000.0	-	6,223.0	1,223.0		5,000.0

Phụ lục số 04: Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 425/BC-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/ giảm	KH vốn đầu tư công năm 2025 sau khi điều chỉnh			
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:				Tổng	NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác
					NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác					
	Tổng cộng (I+II)		245,429.6	83,558.2	21,984.5	56,573.7	5,000.0	-	83,558.2	21,984.5	56,573.7	5,000.0
I	Các dự án do các xã cũ bàn giao		236,556.56	75,603.88	21,984.51	53,619.38	-	311.36	75,915.25	21,984.51	53,930.74	-
	Xã Nhân Quyền cũ		23,269.9	5,555.5	5,108.6	446.9	-	-	5,555.5	5,108.6	446.9	-
1	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	QĐ 2076; 5/5/2025	484.3	446.9		446.9			446.9	-	446.9	
2	Cải tạo cống, tường rào - Trường THCS Nhân Quyền	QĐ 39; 10/7/2020	625.7	151.1	151.1				151.1	151.1	-	
3	Nâng cấp, Cải tạo via hè tuyến đường trục xã đoạn từ trường THCS Nhân Quyền đến đầu thôn Đan Loan	QĐ 101; 22/12/2021	819.9	185.1	185.1				185.1	185.1	-	
4	Trường THCS Nhân Quyền: Hạng mục Tường rào, san lấp, rãnh thoát nước	QĐ 46; 15/5/2019	1,213.0	105.9	105.9				105.9	105.9	-	
5	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khác trường THCS Nhân Quyền	QĐ 108; 29/12/2020	1,213.0	186.4	186.4				186.4	186.4	-	
6	Nâng cấp, cải tạo nhà vệ sinh và các hạng mục khác trường Tiểu học Nhân Quyền	QĐ 108; 26/11/2021	1,174.4	441.3	441.3				441.3	441.3	-	
7	Cải tạo mở rộng đoạn đường nối giữa đường trung tâm xã với đường vào thôn Đan Loan và cải tạo mương thoát nước giáp trường mầm non trung tâm xã	QĐ 30a; 17/2/2021	466.1	106.5	106.5				106.5	106.5	-	
8	Nâng cấp, tu sửa nhà Bìa nơi thành lập Đảng bộ xã tại thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền	QĐ 42; 18/3/2022	410.7	398.5	398.5				398.5	398.5	-	
9	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	QĐ 113; 25/5/2022	5,482.2	452.5	452.5				452.5	452.5	-	
10	Nâng cấp , cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Dương Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang.	QĐ 153; 15/7/2022	11,380.7	3,081.4	3,081.4				3,081.4	3,081.4	-	
	Xã Thanh Tùng cũ		73,291.9	12,188.0	2,891.6	9,296.4	-	-	12,188.0	2,891.6	9,296.4	-
11	Nhà xe, sân đường nội bộ nhà làm việc công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 146; 27/12/2023	330.2	292.8		292.8			292.8	-	292.8	
12	Trường mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hạng mục: Công thoát nước, tường kê và giai đoạn 1 san lấp	QĐ 7262; 16/11/2016	4,486.5	333.2		333.2			333.2	-	333.2	
13	Các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Thanh Tùng	QĐ 07; 27/01/2021	3,821.2	63.1		63.1			63.1	-	63.1	
14	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn La Xá xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 90; 22/10/2024	813.7	47.4		47.4			47.4	-	47.4	
15	Xây dựng nhà làm việc Công an xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 54; 14/10/2022	4,961.5	1,330.0	200.0	1,130.0			1,330.0	200.0	1,130.0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/ giảm	KH vốn đầu tư công năm 2025 sau khi điều chỉnh			
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:				Tổng	NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác
					NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác					
16	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện: Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	QĐ 3420; 29/12/2017	13,818.7	600.0	100.0	500.0			600.0	100.0	500.0	
17	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Nhà ăn, nhà bếp	QĐ 41a; 26/07/2018	1,221.8	600.0	100.0	500.0			600.0	100.0	500.0	
18	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: Nâng tầng 2 nhà lớp học 1 tầng 3 phòng - móng 2 tầng thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	QĐ 2900; 16/11/2017	2,815.8	590.0	290.0	300.0			590.0	290.0	300.0	
19	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện: Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng, 3 phòng - móng 2 tầng, thuộc nhà 2 tầng 6 phòng	QĐ 1748; 30/6/2017	4,951.3	615.0	115.0	500.0			615.0	115.0	500.0	
20	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện; Hạng mục: San nền, cổng, tường rào và nhà bảo vệ	QĐ 1174; 27/4/2017	3,543.3	640.0	140.0	500.0			640.0	140.0	500.0	
21	Trường Mầm non xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Sân gạch, bồn hoa rãnh thoát nước	QĐ 35; 26/6/2019	4,431.5	505.0	105.0	400.0			505.0	105.0	400.0	
22	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và nhà hiệu bộ trường tiểu học; nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Thanh Tùng	QĐ 93a; 16/10/2023	232.0	120.0	120.0	-			120.0	120.0	-	
23	Trường tiểu học xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	QĐ 28; 27/06/2018	4,341.7	395.0	395.0	-			395.0	395.0	-	
24	Cổng, tường rào và nhà vệ sinh trường THCS Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 24; 11/06/2018	712.8	165.0	165.0	-			165.0	165.0	-	
25	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú – La Xá; Đoạn từ đường 392 đến khu dân cư La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 16; 25/7/2022	12,533.2	3,962.6	362.6	3,600.0			3,962.6	362.6	3,600.0	
26	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường 392 đến điểm dân cư mới thôn La Xá	QĐ 190a; 10/6/2021	497.6	459.0	59.0	400.0			459.0	59.0	400.0	
27	Cải tạo đường vào khu di tích lịch sử quốc gia Đình Đông xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	QĐ 53; 26/10/2018	1,214.3	300.0	300.0	-			300.0	300.0	-	
28	Di chuyển đường điện 0,4kV phục vụ GPMB thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đoàn Phú – La Xá, xã Thanh Tùng	QĐ 01; 03/01/2023	585.6	453.0	53.0	400.0			453.0	53.0	400.0	
29	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn La Xá, xã Thanh Tùng	QĐ 257; 02/02/2021	7,175.1	387.0	387.0	-			387.0	387.0	-	
30	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Đảng ủy- HĐND- UBND xã Thanh Tùng	QĐ 44; 30/08/2022	674.4	200.0		200.0			200.0	-	200.0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025 đến ngày 15/11/2025				Điều chỉnh tăng/ giảm	KH vốn đầu tư công năm 2025 sau khi điều chỉnh			
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó:				Tổng	NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác
					NS tính hỗ trợ	NS cấp xã + huyện (cũ)	Nguồn khác					
31	Dự án: Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	QĐ 17; 20/3/2025	129.8	129.8		129.8			129.8	-	129.8	
	Xã Đoàn Tùng cũ		70,878.7	25,786.3	3,278.5	22,507.8	-	-	25,786.3	3,278.5	22,507.8	-
32	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trường mầm non đến ngã tư trạm y tế Đoàn Tùng)	QĐ 39; 08/6/2020	2,876.5	96.2		96.2			96.2	-	96.2	
33	Đường giao thông xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trạm y tế xã đến đường 392)	QĐ 12; 21/01/2025	5,260.5	3,968.9		3,968.9			3,968.9	-	3,968.9	
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đào Lâm (Đoạn từ cây đa đến đình làng và đoạn từ đường thôn đến nhà ông Tín)	QĐ 41; 24/3/2025	494.1	485.0		485.0			485.0	-	485.0	
35	Đường GTNT thôn Phạm Lâm xã Đoàn Tùng (Đoạn từ trục đường WB đến trục đường xã)	QĐ 20; 20/02/2024	2,674.7	1,464.3	250.0	1,214.3			1,464.3	250.0	1,214.3	
36	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Đào Lâm - Thụý Lâm xã Đoàn Tùng (đoạn từ ngã tư trạm y tế xã đến nhà ông Thiệt thôn Thụý Lâm)	QĐ 97; 23/10/2024	5,502.8	4,700.0		4,700.0			4,700.0	-	4,700.0	
37	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã ĐT (Đoạn từ Ngã ba Góc Quếch đến Giếng Xóm Chũc thôn Đ.Lâm và Đoạn từ nhà Ông Lư đến sông Đồng Cò thôn T.Lâm)	QĐ 172; 31/12/2024	814.2	60.0		60.0			60.0	-	60.0	
38	Đường GTNT xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện. HM: tuyến từ nhà thờ đến nhà ông Sứ thôn Thụý Lâm và tuyến từ nhà ông Hiền Đến nhà ông Bùng thôn Phạm Lâm	QĐ 5; 13/3/2018	3,011.7	328.1	258.0	70.1			328.1	258.0	70.1	
39	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn P.Lâm xã ĐT (Đoạn từ Cổng chào xóm Chấm đến nhà ông Thường và Đoạn từ nhà ông Thường đến nhà ông Tuấn)	QĐ 123; 13/11/2023	630.5	119.0	119.0	-			119.0	119.0	-	
40	Đường giao thông nông thôn xã Đoàn Tùng (Đoạn từ đường tỉnh 392 tới đường 393 qua thôn Đào Lâm)	QĐ 451; 03/7/2012	3,167.0	587.5		587.5			587.5	-	587.5	
41	Xây dựng sân thể thao khu dân cư số 1 xã Đoàn Tùng	QĐ 96; 02/10/2017	998.3	63.3		63.3			63.3	-	63.3	
42	Sân vận động thôn Thụý Lâm, xã Đoàn Tùng; Hạng mục: Sân nền	QĐ 90; 25/8/2023	1,557.2	455.0		455.0			455.0	-	455.0	
43	Xây dựng sân thể thao thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng	QĐ 69; 29/9/2017	631.4	62.9		62.9			62.9	-	62.9	
44	Trường MN xã Đoàn Tùng. HM nhà lớp học 2T4P	QĐ 08; 03/4/2018	4,495.9	2,454.0	454.0	2,000.0			2,454.0	454.0	2,000.0	
45	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng	QĐ 1747; 30/6/2017	4,927.7	504.6	504.6	-			504.6	504.6	-	
46	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và sân, bồn cây trường mầm non	QĐ 60; 27/9/2018	5,603.5	898.0	398.0	500.0			898.0	398.0	500.0	
47	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Đoàn Tùng	QĐ 2811; 22/10/2010	6,131.3	253.0		253.0			253.0	-	253.0	
48	Nhà đa năng trường Tiểu học	QĐ 1850; 12/7/2017	4,348.5	176.0	176.0	-			176.0	176.0	-	